

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 155 -KH/TU

Biên Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2013

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số <u>5670</u> Ngày <u>13/11/2013</u>

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ
sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần
thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “phát triển khoa học và
công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện
kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Ban Chấp
hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

A- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỜI GIAN QUA

1- Những thành tựu

Trong thời gian qua, mặc dù vẫn còn những điều kiện khó khăn, song hoạt
động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đã tập trung thực hiện đồng bộ các
nhiệm vụ chủ yếu:

- Đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Hoạt động quản lý khoa học và công nghệ được đổi mới theo hướng xóa
bỏ cơ chế xin-cho, đổi mới quy trình xét duyệt, tuyển chọn, ban hành các cơ chế
tài chính trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã huy động được nguồn lực
các ngành, các cấp và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ ngoài tỉnh
tham gia vào hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; thiết lập tốt cơ chế liên kết giữa
ba nhà: Khoa học - Quản lý - Doanh nghiệp đã có tác động lựa chọn đề tài/dự án
gắn kết nghiên cứu với thực tế sản xuất và đời sống, nâng cao chất lượng xem
xét, giám định kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và huy động
thêm nguồn lực trong, ngoài tỉnh triển khai thực hiện theo các chương trình mục
tiêu của tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học trong 2 lĩnh vực ưu tiên là:
phát triển nông nghiệp; thực hiện cải cách hành chính và 3 chương trình mũi
nhọn là: Công nghệ thông tin; Công nghệ sinh học và Đào tạo phát triển nguồn
nhân lực.

Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đã tạo được bước đột phá. Chương trình đào tạo sau đại học với kết quả đã có 1 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 138 học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ; 53 tốt nghiệp chuyên khoa I; 39 tốt nghiệp chuyên khoa II. Hiện có 39 đang học tiến sĩ, 683 đang học thạc sĩ, 125 đang học chuyên khoa 1 và 14 đang học chuyên khoa 2; Chương trình năng khiếu đã đào tạo 394 học sinh phổ thông cơ sở có năng khiếu về Robot; Chương trình đào tạo trình độ B Tin học cho cán bộ chủ chốt đã đào tạo 412 cán bộ; Chương trình phổ cập trình độ A tin học cho cán bộ xã, ấp đã đào tạo hơn 7.000 cán bộ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Giai đoạn 2003-2012 là giai đoạn hoạt động quản lý, nghiên cứu ứng dụng của tỉnh phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đã triển khai trên 10 dự án cấp Bộ, 185 đề tài, dự án cấp tỉnh theo 6 chương trình mục tiêu tổng hợp, 76 đề tài cấp huyện, cấp ngành ngày càng đáp ứng có hiệu quả trong nhiệm vụ sản xuất và đời sống, phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và cung cấp ngày càng nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

Kết quả các đề tài, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo ra được nhiều nhân tố mới tích cực, tạo ra được những mô hình, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ các loài động, thực vật có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế, góp phần chuyển dịch mạnh về cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường, tăng thu nhập cho người nông dân và thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Trong công nghiệp đã triển khai các đề tài, dự án phục vụ cho công tác chọn lọc công nghệ, cải tiến công nghệ phù hợp với điều kiện tỉnh nhà, nhất là công nghệ chế biến, điều tra tình hình công nghệ của địa phương, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao. Kết quả đạt được của các đề tài, dự án công nghiệp phục vụ thiết thực cho phát triển ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh, phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin, đã triển khai thực hiện các chương trình công nghệ thông tin từ tỉnh tới cơ sở, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, đưa công nghệ thông tin về vùng sâu, vùng xa.

Kết quả nghiên cứu, ứng dụng ở lĩnh vực kinh tế, xã hội - nhân văn đã góp phần bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa-lịch sử, truyền thống cách mạng của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và Đồng Nai ngày nay, giới thiệu với đồng bào các tỉnh bạn và nhân dân thế giới về vùng đất và con người Đồng Nai

kiên cường bất khuất, là đối tác tin cậy trong quá trình hội nhập đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học cho tỉnh, các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa để xây dựng các chủ trương, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như các biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện. Triển khai các đề tài áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng đã góp phần nâng cao công tác nghiệp vụ của ngành.

2- Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn một số mặt còn khó khăn, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ.

- Các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ chưa thực sự hấp dẫn, chưa có đủ cơ sở pháp lý để thúc đẩy và hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư đổi mới trang thiết bị, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả công nghệ mới. Vì vậy các doanh nghiệp còn tận dụng các thiết bị công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, làm hạn chế quá trình chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư kinh phí cho khoa học và công nghệ vẫn còn dàn trải, chưa tập trung; chế độ chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học còn nhiều hạn chế.

* Nguyên nhân:

Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm; chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có đủ thẩm quyền trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học và công nghệ. Đầu tư nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng.

B- PHƯƠNG HƯỚNG-MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I- MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1- Mục đích

Tạo sự thống nhất của các cấp ủy và cả hệ thống chính trị trong việc quán triệt và triển khai cụ thể hóa những nội dung nhiệm vụ của Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XI) về "phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết đã đề ra: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI”.

2- Yêu cầu

- Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XI) là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy về vai trò phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

- Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XI) và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) nhằm nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức khoa học và công nghệ và trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, đội ngũ trí thức từ tỉnh đến cơ sở về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

II- PHƯƠNG HƯỚNG

- Xây dựng và phát triển khoa học và công nghệ thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, tạo sự chuyển biến mạnh về chất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng - an ninh; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân góp phần đạt mục tiêu xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015 và thành tỉnh công nghiệp có nền tảng kinh tế - xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020 để góp phần đưa nước ta

cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ XXI.

- Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xuất phát từ những yêu cầu thực tế của tỉnh, có địa chỉ cụ thể ứng dụng nhằm phục vụ thiết thực những yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, tập trung nguồn lực đầu tư cho các mục tiêu trọng điểm. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng xóa bỏ cơ chế xin-cho; huy động nguồn lực của các ngành, các cấp và trong nhân dân; thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngoài tỉnh; thiết lập tốt cơ chế liên kết giữa ba nhà: Khoa học - Quản lý - Doanh nghiệp và có nhiều hoạt động tạo hiệu ứng xã hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo chiều sâu và chiều rộng, góp phần phát huy hiệu quả thực thi các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế. Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ với quốc tế trong xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo, sử dụng đội ngũ chuyên gia, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao; tìm kiếm các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến mới, các giống mới phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu tổng quát

- Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành tỉnh có một nền khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với trình độ chung của khu vực; từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp, nông thôn và 2 mũi nhọn đột phá là hạ tầng khoa học và công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhằm góp phần đưa trình độ công nghệ nông nghiệp của tỉnh đi đầu trong cả nước và ngang bằng với các nước trong khu vực. Đẩy mạnh phát triển toàn diện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng và phát triển công nghệ thông tin trở thành một ngành kinh tế quan trọng, mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng chung GDP của toàn tỉnh.

2- Mục tiêu cụ thể đến năm 2015 và năm 2020

- Tăng tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 31-32% vào năm 2015 và đạt 35% đến năm 2020.

- Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 30% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2015 và đạt 40% đến năm 2020.

- Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 10-15%/năm đến năm 2015 và đạt khoảng 20%/năm đến năm 2020.

- Phân đầu đến năm 2015 giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 30% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp và chiếm khoảng 40% đến năm 2020.

- Phân đầu đến năm 2015 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 8.831,344 triệu đồng và đạt 10.500 triệu đồng đến năm 2020 (theo giá cố định năm 1994).

- Đạt khoảng 70% doanh nghiệp có quy mô từ 100 lao động trở lên áp dụng quy trình quản lý chất lượng sản phẩm đến năm 2015 và phân đầu hoàn thành 100% đến năm 2020.

- Đạt 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới phải có công nghệ xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2015.

- Đạt 100% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung (có nước thải để hoạt động ổn định) đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2015.

- Phân đầu đến năm 2015 đạt 100% các khu công nghiệp đã lấp đầy trên 50% diện tích (có nước thải để hoạt động ổn định) được đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động liên tục.

- Tăng tỷ lệ cây trồng chủ lực được sử dụng giống tốt đạt khoảng 75% vào năm 2015 và đạt khoảng 85% đến năm 2020.

- Tăng tỷ lệ vật nuôi chủ lực được sử dụng giống tốt đạt khoảng 90% vào năm 2015 và đến năm 2020.

- Tăng tỷ lệ diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP (VietGAP, GlobalGAP) đạt khoảng 25% vào năm 2015 và đạt khoảng 30% đến năm 2020.

- Nhân lực xã hội có trình độ sau đại học đạt 7/10.000 người, trong đó trình độ tiến sĩ và tương đương chiếm trên 8% vào năm 2015; phân đầu đến năm

2020 nhân lực có trình độ sau đại học đạt 10/10.000 người, trong đó trình độ tiến sĩ và tương đương chiếm trên 10%.

- Phân đầu 50% UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại vào năm 2015; Đến năm 2020 hoàn thành 100%.

- Đảm bảo tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được đào tạo có trình độ sau đại học đạt 2% (khoảng 1200 - 1500 người) vào năm 2015 và đạt 3% (khoảng 1500 - 2000 người) đến năm 2020.

- Đến năm 2015, tỷ lệ số hóa các tài liệu lưu trữ hiện có tại Chi cục Văn thư-Lưu trữ tỉnh đạt 20% và đến năm 2020 đạt 80%.

- Phân đầu đến năm 2015 hoàn thành 100% việc xây dựng chương trình phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; đảm bảo liên kết qua mạng chuyên dùng giữa Sở Nội vụ với các Sở ngành, UBND cấp huyện để quản lý, cập nhật, tra cứu hồ sơ cán bộ công chức, viên chức.

- Phát triển mạng truy cập băng rộng đến hộ gia đình trên cơ sở ưu tiên phát triển mạng truy cập hữu tuyến (cáp đồng, cáp quang). Mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin di động thế hệ thứ ba (3G) nhằm cung cấp khả năng truy cập băng rộng vô tuyến cho cá nhân mọi nơi, mọi lúc đạt khoảng 90% vào năm 2015 và hoàn thành 100% đến năm 2020.

- Phân đầu đạt 80% các doanh nghiệp và tổ chức xã hội ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh vào năm 2015 và hoàn thành 100% đến năm 2020.

- Tỷ lệ các thửa đất trên địa bàn tỉnh được quản lý, cập nhật biến động bằng công nghệ số đạt khoảng 80% vào năm 2015 và đạt khoảng 95-100% đến năm 2020.

- Xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý đất đai thay thế cho việc quản lý trên giấy đạt 60% vào năm 2015 và hoàn thành 100% đến năm 2020.

- Đến năm 2015 đạt khoảng 20-30% số hộ gia đình có máy tính và truy cập băng thông rộng và đạt khoảng 50-60% đến năm 2020.

- Phân đầu 80% số hộ gia đình có máy thu hình xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau vào năm 2015 và hoàn thành 100% đến năm 2020.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh; sử dụng bệnh án điện tử và quản lý cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh bằng công nghệ thông tin tại các bệnh viện đạt 20% vào năm 2015 và đạt khoảng 50% đến năm 2020.

- Đến năm 2015 đạt 80% các bệnh viện trên địa bàn tỉnh ứng dụng kỹ thuật nội soi trong chẩn đoán và điều trị và đạt 100% đến năm 2020.

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2 vào năm 2015 và đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 đến năm 2020.

- Đạt khoảng 20% Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2 vào năm 2015 và đạt khoảng 70% đến năm 2020.

- Phần đầu tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% GDP vào năm 2015 và đạt 2% GDP vào năm 2020.

- Đảm bảo đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ trong tổng chi ngân sách đạt trên 2%/năm từ nay đến năm 2020.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát huy và phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy đảng và chính quyền.

Xác định đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, giành ưu tiên hàng đầu trong việc bố trí ngân sách cho khoa học và công nghệ. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từng ngành, từng cấp; đưa kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trở thành một cấu thành không thể thiếu của quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các cấp. Việc xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải có căn cứ khoa học, có hạng mục nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần thiết và phải được thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ trong giai đoạn xây dựng dự án, chương trình.

Cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo: làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu và đề cao vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững. Các cấp ủy đảng tập trung và huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát huy tài năng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, tôn vinh, nhân rộng các cán bộ khoa học và công nghệ

diễn hình tiên tiến. Thực hiện đổi mới và áp dụng các phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức và điều hành phù hợp trong quản lý, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

2- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, phương thức quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ

Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính, xem đây là khâu đột phá trong quá trình phát triển khoa học công nghệ. Xoá bỏ cơ chế xin cho trong việc xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm cần phải thông qua Hội đồng Tư vấn khoa học và công nghệ trước khi trình UBND tỉnh quyết định. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; và có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện. Các ngành, các cấp có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và thực hiện báo cáo về kết quả sử dụng hằng năm.

Tách bạch giữa quản lý nhà nước và hoạt động dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo kiểm, đăng kiểm, an toàn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm đảm bảo tính minh bạch, độc lập, khách quan trong hoạt động dịch vụ kỹ thuật, đồng thời, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học và công nghệ của quốc gia và thế giới, phù hợp với thực tiễn Đồng Nai.

Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả 2% tổng chi ngân sách Nhà nước hàng năm cho khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Phấn đấu tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt trên 2% GDP vào năm 2020. Nâng cao hiệu quả đầu tư và sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ đúng mục đích.

Sớm đưa Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh vào hoạt động. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao. Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp trong nước lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp nhà nước và là hoạt động được khuyến khích đối với các doanh nghiệp khác.

Nghiên cứu cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đặc thù cho Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học và Bảo tàng khoa học. Xây dựng Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học thành mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với đào tạo, sản xuất, kinh doanh, mô hình dạy nghề công nghệ cao cho nông dân. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học là đơn vị đầu mối của tỉnh để nhanh chóng đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống, sản xuất; tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong khu vực và thế giới. Thành lập Trạm Quan trắc phóng xạ để đo đạc đánh giá trình hình về các nguồn phóng xạ phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, quản lý hàng hóa ở sân bay, bến cảng, khám chữa bệnh và phục vụ cho quốc phòng - an ninh.

Tiếp tục xây dựng mô hình tổ chức hoạt động và quản lý nhà nước về khoa học công nghệ cấp huyện, thị xã, thành phố Biên Hoà và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng huy động thêm nguồn lực bổ sung vào nguồn lực của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hội khoa học và công nghệ tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ. Tạo điều kiện và môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các cá nhân, tổ chức khoa học công nghệ của tỉnh tham gia thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ, dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao và các dịch vụ kỹ thuật không trái với pháp luật.

Ban hành chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, trong đó quy định rõ cơ chế tự chủ tài chính, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Có chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học và Bảo tàng khoa học tỉnh Đồng Nai. Có cơ chế, khuyến khích, hỗ trợ hình thành, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp. Ban hành và thực thi quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt trong khoa học xã hội và nhân văn nhằm phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các nhà khoa học trong hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chủ trương chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai mô hình hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; phát triển các hình thức hợp tác nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực giữa khu vực công và tư. Thu hút hình thức đầu tư khoa học và công nghệ từ các nước phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua, bán, trao đổi công nghệ và có cơ chế đặc thù cho việc giải mã công nghệ. Áp dụng cơ chế thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông và tuyên truyền sâu rộng trong xã hội, đặc biệt là trong các doanh nghiệp về chủ trương, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ, về vai trò động lực then chốt của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nhằm nâng cao tinh thần tự lực, tự cường, sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của toàn xã hội đối với hoạt động khoa học và công nghệ; tạo không khí thi đua lao động sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; nâng cao tinh thần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3- Phát triển mạnh về tiềm lực khoa học và công nghệ

Nhanh chóng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nâng cao tiềm lực và nâng cấp các cơ sở khoa học và công nghệ tạo sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực khoa học và công nghệ. Tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học để làm tiền đề cho việc phát triển sản xuất trên cơ sở công nghệ cao và có khả năng nhân rộng.

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, Trung tâm Chiếu xạ của tỉnh. Đồng thời, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam triển khai xây dựng Bảo tàng khoa học để tạo tiền đề đề xuất nâng tầm quy hoạch khu vực Khu Công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học thành đô thị khoa học và giáo dục của quốc gia nhằm tạo hiệu quả số nhân từ việc quy tụ đội ngũ các nhà khoa học và trí thức phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Có chính sách khuyến khích đầu tư các vườn ươm doanh nghiệp và các Trung tâm cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn đăng ký và thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phục vụ cho nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh. Phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, đủ năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có công nghệ cao, công nghiệp phần mềm và dịch vụ gia công.

Nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng chất xám nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao; tập hợp và phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trong

và ngoài nước đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Phát triển mạnh nguồn nhân lực khoa học công nghệ của tỉnh dựa trên cơ sở các hệ thống đào tạo hiện đại hoá và xã hội hoá, có chính sách ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nhân lực khoa học công nghệ cũng như thu hút nhân lực từ TP. Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận phục vụ cho phát triển bền vững của tỉnh.

Thu hút đầu tư của các tổ chức khoa học và công nghệ có vốn của nước ngoài dưới các hình thức hợp tác, liên kết giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam, 100% vốn nước ngoài.

4- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ

Tập trung các nguồn lực triển khai để giải quyết, bảo đảm mang lại hiệu quả thiết thực các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển đồng bộ khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật công nghệ và các hướng công nghệ ưu tiên phù hợp với Đồng Nai: công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy - tự động hóa và công nghệ môi trường.

Tổ chức nghiên cứu, tổng kết - đánh giá khoa học, khách quan tình hình thực hiện tại địa phương về các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng những đề tài nghiên cứu sâu hơn về kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, dân tộc, tôn giáo nhằm xác lập những luận cứ khoa học, thực tiễn cho những quyết định, chủ trương của lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Nghiên cứu, ban hành tiêu chí xây dựng vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các vùng chuyên canh, thâm canh; tổ chức nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, hiệu quả cao phù hợp phục vụ sản xuất và đời sống. Ứng dụng công nghệ cao, trong sản xuất, sau thu hoạch nhằm tăng năng suất, hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủy lợi, bảo vệ rừng.

Thúc đẩy công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, cải tiến công nghệ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Hình thành lực lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các trung tâm đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động sáng tạo và khai thác công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng xác thực điện tử trong giao dịch điện tử; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ trực tuyến.

Chú trọng thẩm định, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ đốt và composting đối với chất thải rắn sinh hoạt để thu hồi được năng lượng (phát điện), sản phẩm có ích (phân bón), cũng như giảm diện tích chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất. Đối với chất thải rắn y tế, cần hạn chế biện pháp đốt để tránh phát sinh ô nhiễm không khí thứ cấp và nhanh chóng chuyển sang các công nghệ thân thiện với môi trường như khử khuẩn các chất thải lây nhiễm sau đó chôn lấp theo đúng xu hướng quốc tế hiện nay. Đối với việc xử lý chất thải nguy hại cần phải nghiên cứu theo hướng xử lý tập trung quy mô lớn, có thu hồi năng lượng và cần lựa chọn công nghệ xử lý chất thải phù hợp điều kiện của Việt Nam theo hướng ưu tiên tái chế. Bên cạnh công nghệ xử lý, tái chế chất thải, chú trọng đầu tư phát triển công nghệ quan trắc môi trường theo hướng tự động, liên tục; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý các tình huống gây ô nhiễm.

Tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất; phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ; tăng cường công tác phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ để nâng cao dân trí về khoa học và công nghệ. Doanh nghiệp tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất thì kinh phí cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ.

5- Triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông

Phát triển mạng truy nhập băng rộng đến hộ gia đình trên cơ sở ưu tiên phát triển mạng truy nhập hữu tuyến. Mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin di động thế hệ mới nhằm cung cấp khả năng truy nhập băng rộng vô tuyến cho cá nhân ở mọi lúc, mọi nơi.

Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ cao trong việc thiết lập mạng lưới, cung cấp dịch vụ và sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông, đặc biệt là thiết bị di động, thiết bị thu xem truyền hình số nhằm giảm giá thành, phổ cập nhanh các dịch vụ viễn thông đến người dân và chất lượng tốt và giá cước hợp lý.

Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ giữa Viện nghiên cứu, Nhà trường và Doanh nghiệp Viễn thông nhằm áp dụng nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và thực tiễn.

Xây dựng các chương trình khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất, trong hoạt động quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh, quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường kinh doanh. Xây dựng các chương trình khuyến khích các tầng lớp nhân dân tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lao động, sản xuất.

Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu các sản phẩm công nghệ thông tin, lựa chọn các giải pháp, sản phẩm chất lượng cao, có tính thực tiễn để nhân rộng ứng dụng. Huy động các nguồn lực nghiên cứu sáng tạo, các đề tài khoa học về công nghệ thông tin, chuyên gia công nghệ mới nhằm tạo ra sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông trong tỉnh, có hiệu quả thiết thực phục vụ cộng đồng.

Áp dụng các công nghệ viễn thông tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông. Đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin cho các ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử. Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sáng tạo và phát triển, mua hoặc chuyển giao công nghệ mới nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mang thương hiệu của các tổ chức, doanh nghiệp Đồng Nai có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu như các thiết bị thông minh, các phần mềm, các thiết bị tiết kiệm điện.

Nghiên cứu có cơ chế hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tham gia nghiên cứu và phát triển, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu. Sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu thị trường ở Việt Nam.

6- Tạo lập và phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ

Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại hoá cho tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ. Tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ. Đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu về chuyên gia và kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Tham gia vào liên hiệp thư viện Việt Nam về các nguồn tin điện tử phục vụ nghiên cứu, đào tạo và đổi mới công nghệ. Tham gia mạng thông tin khoa học công nghệ quốc gia và khai thác hiệu quả các trung tâm thông tin khoa học và giao dịch công nghệ quốc gia và khu vực.

Tổ chức cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước; cung cấp thông tin khoa học công nghệ mới nhất của thế giới, phổ biến thành tựu tri thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - kinh tế miền núi, vùng sâu, vùng xa.

7- Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ, đầu tư và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ - thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ. Thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Triển khai đồng bộ, kịp thời các văn bản pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành về phát triển thị trường khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ, đầu tư và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Nghiên cứu, tham mưu đề xuất ban hành các văn bản pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về thị trường công nghệ; quy định về Sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ; nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ; tăng cường năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước trong định hướng, điều tiết, vi mô và kiểm soát hoạt động của thị trường nhằm đảm bảo cho thị trường hoạt động có hiệu quả, giảm thiểu những tác động tiêu cực.

8- Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng

a) Đẩy mạnh quản lý công nghệ, an toàn và kiểm soát bức xạ

Hướng dẫn doanh nghiệp đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Báo cáo hiện trạng công nghệ hàng năm của tỉnh để có kế hoạch đổi mới công nghệ.

Kiện toàn hội đồng thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo hướng mời các chuyên gia ở Trung ương và khai thác các thông tin công nghệ ở các tổ chức khoa học và công nghệ của Trung ương.

Tăng cường công tác quản lý an toàn bức xạ các cơ sở bức xạ, kiểm soát các nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, thiết bị bức xạ đang sử dụng, lưu giữ, vận chuyển trên địa bàn tỉnh. Triển khai các biện pháp quản lý an toàn bức xạ, các thiết bị có liên quan đến môi trường và sức khỏe. Nâng cao năng lực, trình độ quản lý về an toàn và kiểm soát bức xạ, hạt nhân cho các cán bộ phụ trách của các sở, ban, ngành liên quan.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sở hữu công nghệ. Cung cấp thông tin sở hữu công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai,

hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng, xác lập quyền, khai thác và phát triển giá trị thương mại và bảo vệ tài sản sở hữu công nghiệp, đặc biệt là tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý dùng cho đặc sản của địa phương.

Xác định và hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương. Hướng dẫn doanh nghiệp chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, xác định sản phẩm và thị trường tiềm năng; trên cơ sở đó hướng dẫn thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm đó ở nước ngoài.

Tăng cường hiệu quả của hệ thống bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực của thanh tra khoa học và công nghệ để có thể đóng vai trò là cơ quan đầu mối điều phối, tổ chức phối hợp hoạt động của các cơ quan bảo đảm thực thi quyền sở hữu công nghiệp để phát hiện và xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

b) Phát triển hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng

Đẩy mạnh việc phối hợp với các ngành, các cấp trong hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng. Đồng thời, thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng. Thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng cạnh tranh, phát triển năng suất chất lượng và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đầu tư tăng cường năng lực hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm hàng hóa cho Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động về hàng rào kỹ thuật thương mại tỉnh Đồng Nai.

c) Thanh tra khoa học và công nghệ

Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng sản phẩm hàng hoá, sở hữu công nghiệp, an toàn và kiểm soát bức xạ và đề tài, dự án nghiên cứu khoa học.

Hàng năm tổ chức thanh kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên thanh - kiểm tra các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng sản phẩm hàng hoá, sở hữu công nghiệp, an toàn và kiểm soát bức xạ, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ do ngân sách Nhà nước đầu tư.

Phối hợp với các ngành liên quan trong tỉnh tổ chức các cuộc thanh tra chuyên đề thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ theo chỉ đạo của cấp trên và nhu cầu quản lý của tỉnh.

9- Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Tăng cường hợp tác toàn diện với các tỉnh, vùng, các trung tâm, trường, viện nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ như: hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia hội đồng khoa học và công nghệ, hội thảo, triển lãm khoa học và trao đổi, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm phục vụ cho các hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: hợp tác về các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo, sử dụng chuyên gia... nhằm nâng cao trình độ và bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ, tìm kiếm các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến mới, các giống mới phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến rõ trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, vai trò của động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo việc cụ thể hóa các phương hướng - mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch này từ nay đến năm 2020 và chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, đề xuất các giải pháp, cơ chế để cân đối, bố trí, đầu tư đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm và 5 năm cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ để đảm bảo việc thực hiện thành công, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này.

3- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cấp ủy đảng trực thuộc, các sở, ban, ngành của tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình cụ thể hoá Nghị quyết Trung ương và Kế hoạch của Tỉnh uỷ bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể phù hợp với thực tế của địa phương, của ngành, đơn vị để chỉ đạo thực hiện.

4- Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật và các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ và quần dân trong tỉnh tích cực tham gia sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ; nhận thức đầy đủ và ý thức rõ ràng về trách nhiệm của các cấp, các ngành, các hội đoàn thể, các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ đối với việc phát triển khoa học và công nghệ ở địa phương, đơn vị.

5- Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ sơ kết báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

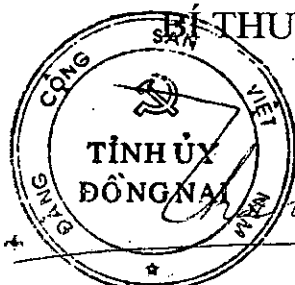
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh;
- Các BCS đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn;
- Các ban đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- CP.VPTU-C, TH
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Bộ Chính trị;
 - Ban Bí thư TW Đảng;
 - Văn phòng TW Đảng;
 - Các ban Đảng TW. } (a+b)
- C-M3T/KH155/150

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Trần Đình Thành

BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020

STT	Nội dung nhiệm vụ	Phân công thực hiện		
		Cá nhân phụ trách	Cá nhân, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
I	Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ:			
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền từ Tỉnh đến cơ sở	Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Giám đốc các Sở ngành; Bí thư các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
II	Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, phương thức quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ:			
2	Xây dựng quy hoạch phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Đ/c Trần Văn Vĩnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc các Sở ngành; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Quý IV/2014
3	Kế hoạch đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; và có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc Sở Kế hoạch – Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính	Thực hiện quý III hàng năm
4	Thực hiện cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các Sở ngành; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố; thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
5	Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đặc thù cho Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các sở: Kế hoạch-Đầu tư; Tài chính; Nội vụ	Quý II/2014
6	Xây dựng mô hình tổ chức hoạt động và quản lý nhà nước về KH-CN cấp huyện, thị xã, Tp. Biên Hoà và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng huy động thêm nguồn lực bổ sung vào nguồn lực của tỉnh.	Giám đốc Sở Nội vụ	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố	Quý II/2014

7	Chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ; Chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học	Đ/c Trần Văn Vĩnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch-Đầu tư, Tài chính; Sở Nội vụ	Quý II/2014
8	Chương trình truyền thông và tuyên truyền sâu rộng trong xã hội về chủ trương, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ, về vai trò động lực then chốt của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước	Đ/c Trần Văn Vĩnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
9	Đảm bảo đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ trong tổng chi ngân sách đạt trên 2%/năm từ nay đến năm 2020.	Đ/c Trần Minh Phúc, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc các sở: Tài chính; Kế hoạch-Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ; Bí thư các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
III	Phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ:			
10	Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học để làm tiền đề cho việc phát triển sản xuất trên cơ sở công nghệ cao và có khả năng nhân rộng.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
11	Xây dựng Trung tâm Chiếu xạ	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính.	Quý IV/2013 phê duyệt dự án đầu tư và hoàn thành xây dựng đưa vào vận hành quý IV/2016
12	Thành lập Trạm Quan trắc phóng xạ để đo đạc đánh giá trình hình về các nguồn phóng xạ phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, quản lý hàng hóa ở sân bay, bến cảng, khám chữa bệnh và phục vụ cho quốc phòng - an ninh của tỉnh.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các sở: Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính.	Quý II/2014 hoàn thành thủ tục thành lập và Quý IV/2016 hoàn thành xây dựng đưa vào hoạt động
13	Quy hoạch Thành phố Khoa học trên nền tảng phát triển Trung tâm Trung tâm Ứng dụng CNSH	Đ/c Trần Văn Vĩnh, Phó CTUBND tỉnh	Giám đốc các sở: Khoa học & Công nghệ; Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bí thư và Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ.	Quý I/2015
14	Phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, đủ năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có công nghệ cao, công nghiệp phần mềm và dịch vụ gia công.	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Giám đốc các sở, ngành; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các d.nghiệp	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm

IV	Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ:			
15	Chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các vùng chuyên canh, thâm canh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Bí thư các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
16	Nghiên cứu đề ban hành tiêu chí xây dựng vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	Bí thư và chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố	Quý II/2014
17	Nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng xác thực điện tử trong giao dịch điện tử; phát triển Chính phủ điện tử thế hệ mới; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ trực tuyến.	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Giám đốc các sở, ngành; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
18	Ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp khai khoáng và xử lý môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường.	Đ/c Võ Văn Chánh, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Bí thư và chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
V	Triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông:			
19	Phát triển mạng truy nhập băng rộng đến hộ gia đình trên cơ sở ưu tiên phát triển mạng truy nhập hữu tuyến. Mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin di động thế hệ mới nhằm cung cấp khả năng truy nhập băng rộng vô tuyến cho cá nhân ở mọi lúc, mọi nơi.	Giám đốc Sở Thông tin-Truyền thông	Bí thư và chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
20	Xây dựng các chương trình khuyến khích các tầng lớp nhân dân tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lao động, sản xuất.	Giám đốc Sở Thông tin-Truyền thông	Giám đốc các sở, ngành; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố, Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các d.nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
21	Nghiên cứu có cơ chế hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tham gia nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu. Sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu thị trường.	Giám đốc Sở Thông tin-Truyền thông	Giám đốc các Sở ngành Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
VI	Tạo lập và phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ:			
22	Đầu tư xây dựng Trung tâm Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh. Ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các sở: Kế hoạch-Đầu tư, Tài chính; Bí thư và chủ tịch các huyện, thị, thành phố	Quý IV/2015

23	Tổ chức cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước; cung cấp thông tin khoa học công nghệ mới nhất của thế giới, phổ biến thành tựu tri thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - kinh tế miền núi, vùng sâu, vùng xa.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các sở, ngành; Bí thư và chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
VII	Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng:			
24	Hướng dẫn doanh nghiệp đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Báo cáo hiện trạng công nghệ hàng năm của tỉnh để có kế hoạch đổi mới công nghệ.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc các Sở ngành; Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
VIII	Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ:			
25	Thực hiện chương trình hợp tác với Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	Đ/c Nguyễn Thành Trí, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc sở KH&CN và các sở, ngành liên quan; Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm
26	Thực hiện chương trình hợp tác với Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.	Đ/c Trần Văn Vĩnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh	Giám đốc sở KH&CN và các sở, ngành liên quan; Thủ trưởng các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp;	Thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm